

DSSV CHƯƠNG TRÌNH ĐỀ ÁN KHOA CÔNG NGHỆ THÔNG TIN NHẬN HỌC BỔNG KHUYẾN KHÍCH (CHÍNH THỨC)
HỌC KỲ 2, NĂM HỌC 2025-2026

STT	MSSV	HỌ VÀ TÊN	SỐ TÍN CHỈ ĐĂNG KÝ	SỐ TÍN CHỈ XÉT HB	ĐTB xét HB HK2/25- 26	XL HT HK2/25- 26	XL ĐRL HK2/25- 26	LOẠI HQC BỔNG	MỨC HỌC BỔNG	TIỀN HB (VNĐ)	HB KHÁC (VNĐ)	TIỀN THỰC NHẬN (VNĐ)	GHI CHÚ	CTĐT
1	22125004	Trần Phương Anh	18	8	9,1	Xuất sắc	Khá	Khá	100% HP thực đóng	13.010.600		13.010.600	Chưa bao gồm học phí học phần điểm P	TT
2	22125022	Đào Thanh Hải	22	8	8,7	Giỏi	Khá	Khá	100% HP thực đóng	13.010.600		13.010.600	Chưa bao gồm học phí học phần điểm P	TT
3	22125051	Phạm Phú Lợi	18	8	9,45	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	120% HP thực đóng	15.612.720		15.612.720	Chưa bao gồm học phí học phần điểm P	TT
4	22125065	Nguyễn Quốc Nghĩa	18	8	9,75	Xuất sắc	Khá	Khá	100% HP thực đóng	13.010.600		13.010.600	Chưa bao gồm học phí học phần điểm P	TT
5	22125083	Phan Minh Quang	22	12	8,33	Giỏi	Khá	Khá	100% HP thực đóng	19.515.900		19.515.900	Chưa bao gồm học phí học phần điểm P	TT
6	22125090	Nguyễn Ngọc Duy Tân	18	8	9,75	Xuất sắc	Tốt	Giỏi	110% HP thực đóng	14.311.660		14.311.660	Chưa bao gồm học phí học phần điểm P	TT
7	22125118	Phạm Ngọc Phương Uyên	22	12	9,7	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	120% HP thực đóng	23.419.080		23.419.080	Chưa bao gồm học phí học phần điểm P	TT
8	22127007	Cao Nguyễn Lan Anh	12	12	9	Xuất sắc	Khá	Khá	100% HP thực đóng	14.338.500		14.338.500	Đã bao gồm học phí học phần điểm P2	CLC

STT	MSSV	HỌ VÀ TÊN	SỐ TÍN CHỈ ĐĂNG KÝ	SỐ TÍN CHỈ XÉT HB	ĐTB xét HB HK2/25- 26	XL HT HK2/25- 26	XL ĐRL HK2/25- 26	LOẠI HỌC BỔNG	MỨC HỌC BỔNG	TIỀN HB (VNĐ)	HB KHÁC (VNĐ)	TIỀN THỰC NHẬN (VNĐ)	GHI CHÚ	CTĐT
9	22127026	Ôn Gia Bảo	10	10	8,74	Giỏi	Khá	Khá	100% HP thực đóng	11.821.000		11.821.000		CLC
10	22127034	Trần Gia Bảo	14	14	8,41	Giỏi	Khá	Khá	100% HP thực đóng	17.283.500		17.283.500		CLC
11	22127039	Trần Phan Thiên Bửu	10	10	9,24	Xuất sắc	Khá	Khá	100% HP thực đóng	11.821.000		11.821.000		CLC
12	22127043	Nguyễn Tấn Châu	12	12	8,42	Giỏi	Khá	Khá	100% HP thực đóng	14.338.500		14.338.500	Đã bao gồm học phí học phần điểm P2	CLC
13	22127059	Huỳnh Tấn Đạt	10	10	9,06	Xuất sắc	Khá	Khá	100% HP thực đóng	11.821.000		11.821.000		CLC
14	22127065	Trần Anh Tiến Đạt	12	12	8,67	Giỏi	Khá	Khá	100% HP thực đóng	14.338.500		14.338.500	Đã bao gồm học phí học phần điểm P2	CLC
15	22127081	Huỳnh Lê Hải Dương	24	14	9,1	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	120% HP thực đóng	20.740.200		20.740.200	Chưa bao gồm học phí học phần điểm P	CLC
16	22127089	Trần Lê Bảo Duy	10	10	9,22	Xuất sắc	Khá	Khá	100% HP thực đóng	11.821.000		11.821.000		CLC
17	22127093	Nguyễn Ngọc Giang	10	10	8,66	Giỏi	Khá	Khá	100% HP thực đóng	11.821.000		11.821.000		CLC
18	22127127	Nguyễn Khánh Hoàng	10	10	8,64	Giỏi	Khá	Khá	100% HP thực đóng	11.821.000		11.821.000		CLC
19	22127130	Nguyễn Trần Minh Hoàng	12	12	8,97	Giỏi	Khá	Khá	100% HP thực đóng	14.006.000		14.006.000		CLC
20	22127137	Vũ Tuấn Hùng	10	10	8,96	Giỏi	Khá	Khá	100% HP thực đóng	11.821.000		11.821.000		CLC
21	22127143	Nguyễn Hữu Gia Hưng	16	16	8,39	Giỏi	Tốt	Giỏi	110% HP thực đóng	21.624.350		21.624.350	Đã bao gồm học phí học phần điểm P2	CLC
22	22127159	Phạm Huỳnh Bảo Huy	10	10	8,58	Giỏi	Khá	Khá	100% HP thực đóng	11.821.000		11.821.000		CLC
23	22127202	Võ Hùng Khoa	10	10	9,06	Xuất sắc	Khá	Khá	100% HP thực đóng	11.821.000		11.821.000		CLC
24	22127227	Đặng Văn Kỳ	16	10	8,86	Giỏi	Khá	Khá	100% HP thực đóng	11.821.000		11.821.000	Chưa bao gồm học phí học phần điểm P	CLC

STT	MSSV	HỌ VÀ TÊN	SỐ TÍN CHỈ ĐĂNG KÝ	SỐ TÍN CHỈ XÉT HB	ĐTB xét HB HK2/25- 26	XL HT HK2/25- 26	XL ĐRL HK2/25- 26	LOẠI HQC BÔNG	MỨC HỌC BỔNG	TIỀN HB (VNĐ)	HB KHÁC (VNĐ)	TIỀN THỰC NHẬN (VNĐ)	GHI CHÚ	CTĐT
25	22127229	Đậu Gia Lâm	14	14	8,36	Giỏi	Khá	Khá	100% HP thực đóng	11.821.000		11.821.000		CLC
26	22127232	Lê Thị Ngọc Linh	10	10	9,38	Xuất sắc	Khá	Khá	100% HP thực đóng	11.821.000		11.821.000		CLC
27	22127259	Nguyễn Đức Mạnh	16	10	9,16	Xuất sắc	Khá	Khá	100% HP thực đóng	11.821.000		11.821.000	Chưa bao gồm học phí học phần điểm P	CLC
28	22127302	Nguyễn Đăng Nhân	10	10	9,32	Xuất sắc	Khá	Khá	100% HP thực đóng	11.821.000		11.821.000		CLC
29	22127316	Nguyễn Ngô Ngọc Như	10	10	8,84	Giỏi	Khá	Khá	100% HP thực đóng	11.821.000		11.821.000		CLC
30	22127317	Trần Khánh Như	12	12	9,13	Xuất sắc	Khá	Khá	100% HP thực đóng	14.338.500		14.338.500	Đã bao gồm học phí học phần điểm P2	CLC
31	22127352	Võ Anh Quân	10	10	9,16	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	120% HP thực đóng	14.077.680		14.077.680		CLC
32	22127358	Phạm Văn Quyển	10	10	8,98	Giỏi	Khá	Khá	100% HP thực đóng	11.821.000		11.821.000		CLC
33	22127359	Chu Thúy Quỳnh	10	10	9,24	Xuất sắc	Khá	Khá	100% HP thực đóng	11.821.000		11.821.000		CLC
34	22127380	Nguyễn Huy Tấn	10	10	8,88	Giỏi	Khá	Khá	100% HP thực đóng	11.821.000		11.821.000		CLC
35	22127398	Nguyễn Văn Minh Thiện	14	14	9,49	Xuất sắc	Tốt	Giỏi	110% HP thực đóng	19.011.850		19.011.850		CLC
36	22127411	Lê Thị Thanh Thùy	10	10	8,58	Giỏi	Khá	Khá	100% HP thực đóng	11.821.000		11.821.000		CLC
37	22127439	Võ Hữu Tuấn	14	10	9,4	Xuất sắc	Tốt	Giỏi	110% HP thực đóng	13.003.100		13.003.100		CLC
38	22127446	Nguyễn Ngọc Phương Uyên	20	10	8,5	Giỏi	Xuất sắc	Giỏi	110% HP thực đóng	13.003.100		13.003.100	Chưa bao gồm học phí học phần điểm P	CLC
39	22127455	Vũ Thanh Việt	16	10	9,02	Xuất sắc	Khá	Khá	100% HP thực đóng	11.821.000		11.821.000		CLC
40	22127492	Hồ Đăng Phúc	10	10	8,58	Giỏi	Khá	Khá	100% HP thực đóng	11.821.000		11.821.000		CLC
41	23125006	Võ Gia Huy	18	18	9,66	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	120% HP thực đóng	32.300.640	13.458.600	18.842.040	SV đã nhận HB Đầu vào (50% học phí thực đóng)	TT

STT	MSSV	HỌ VÀ TÊN	SỐ TÍN CHỈ ĐĂNG KÝ	SỐ TÍN CHỈ XÉT HB	ĐTB xét HB HK2/25- 26	XL HT HK2/25- 26	XL ĐRL HK2/25- 26	LOẠI HQC BÔNG	MỨC HỌC BỔNG	TIỀN HB (VNĐ)	HB KHÁC (VNĐ)	TIỀN THỰC NHẬN (VNĐ)	GHI CHÚ	CTĐT
42	23125011	Vũ Quốc Lâm	24	20	9,68	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	120% HP thực đóng	39.031.800	32.526.500	6.505.300	SV đã nhận HB Đầu vào (100% học phí thực đóng)	TT
43	23125014	Nguyễn Thành Nhân	18	18	9,6	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	120% HP thực đóng	32.300.640	20.187.900	12.112.740	SV đã nhận HB Đầu vào (75% học phí thực đóng)	TT
44	23125034	Cao Thanh Hiếu	22	22	9,64	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	120% HP thực đóng	40.107.000		40.107.000		TT
45	23125039	Trịnh Minh Huy	20	20	9,8	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	120% HP thực đóng	39.031.800		39.031.800		TT
46	23125050	Hồ Lâm Ngọc Bảo	22	22	9,61	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	120% HP thực đóng	40.107.000		40.107.000		TT
47	23127044	Đỗ Văn Hà	10	10	9,78	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	120% HP thực đóng	14.185.200		14.185.200		CLC
48	23127048	Phan Thế Hoàng	10	10	9,68	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	120% HP thực đóng	14.185.200		14.185.200		CLC
49	23127106	Nguyễn Hoàng Quân	14	14	9,61	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	120% HP thực đóng	20.740.200		20.740.200		CLC
50	23127136	Lê Nguyễn Nhật Trường	14	14	9,57	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	120% HP thực đóng	20.740.200		20.740.200		CLC
51	23127141	Trần Cao Vân	14	14	9,47	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	120% HP thực đóng	20.740.200		20.740.200		CLC
52	23127146	Lê Chí Vỹ	18	18	9,56	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	120% HP thực đóng	27.295.200		27.295.200		CLC
53	23127153	Huỳnh Gia Âu	10	10	9,5	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	120% HP thực đóng	14.185.200		14.185.200		CLC
54	23127185	Mai Thị Kim Duyên	14	14	9,49	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	120% HP thực đóng	20.740.200		20.740.200		CLC
55	23127209	Nguyễn Anh Khoa	14	14	9,53	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	120% HP thực đóng	20.740.200		20.740.200		CLC
56	23127228	Phạm Văn Minh	14	14	9,5	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	120% HP thực đóng	20.740.200		20.740.200		CLC
57	23127240	Phan Trung Nhựt	14	14	9,61	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	120% HP thực đóng	20.740.200		20.740.200		CLC
58	23127300	Hà Bảo Ngọc	14	14	9,63	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	120% HP thực đóng	20.740.200		20.740.200		CLC
59	23127306	Nguyễn Phương Thảo	14	14	9,46	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	120% HP thực đóng	20.740.200		20.740.200		CLC
60	23127315	Nguyễn Trần Thiên An	14	14	9,51	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	120% HP thực đóng	20.740.200		20.740.200		CLC

STT	MSSV	HỌ VÀ TÊN	SỐ TÍN CHỈ ĐĂNG KÝ	SỐ TÍN CHỈ XÉT HB	ĐTB xét HB HK2/25- 26	XL HT HK2/25- 26	XL ĐRL HK2/25- 26	LOẠI HQC BÔNG	MỨC HỌC BỔNG	TIỀN HB (VNĐ)	HB KHÁC (VNĐ)	TIỀN THỰC NHẬN (VNĐ)	GHI CHÚ	CTĐT
61	23127351	Lê Minh Đức	18	18	9,58	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	120% HP thực đóng	27.295.200		27.295.200		CLC
62	23127382	Nguyễn Phạm Văn Khải	14	14	9,66	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	120% HP thực đóng	20.740.200		20.740.200		CLC
63	23127394	Thái Minh Khoa	14	14	9,56	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	120% HP thực đóng	20.740.200		20.740.200		CLC
64	23127398	Đinh Xuân Khương	14	14	9,61	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	120% HP thực đóng	20.740.200		20.740.200		CLC
65	23127400	Đinh Hồng Kiên	16	16	9,6	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	120% HP thực đóng	26.220.000		26.220.000		CLC
66	23127401	Tạ Thiên Lâm	10	10	9,52	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	120% HP thực đóng	14.185.200		14.185.200		CLC
67	23127414	Nguyễn Minh Luân	10	10	9,56	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	120% HP thực đóng	14.185.200		14.185.200		CLC
68	23127502	Đỗ Nguyễn Minh Trí	10	10	9,64	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	120% HP thực đóng	14.185.200		14.185.200		CLC
69	23127527	Trần Phụng Đình	14	14	9,56	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	120% HP thực đóng	20.740.200		20.740.200		CLC
70	23127538	Nguyễn Đồng Thanh	14	14	9,46	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	120% HP thực đóng	20.740.200		20.740.200		CLC
71	24125011	Lê Chí Hưng	18	18	9,63	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	120% HP thực đóng	32.838.240	20.523.900	12.314.340	SV đã nhận HB Đầu vào (75% học phí thực đóng)	TT
72	24125022	Đặng Đình Trung	18	16	9,8	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	120% HP thực đóng	32.838.240	13.682.600	19.155.640	SV đã nhận HB Đầu vào (50% học phí thực đóng)	TT
73	24125045	Lê Đức Thịnh	18	16	9,68	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	120% HP thực đóng	32.838.240		32.838.240		TT
74	24125057	Trần Đặng Lê Huy	18	16	9,68	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	120% HP thực đóng	32.838.240		32.838.240		TT
75	24125076	Trần Thiên Phúc	18	16	9,65	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	120% HP thực đóng	32.838.240		32.838.240		TT
76	24127011	Nguyễn Tuấn An	17	15	9,71	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	120% HP thực đóng	23.745.600		23.745.600		TCTA
77	24127020	Nguyễn Thành Đạt	17	15	9,63	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	120% HP thực đóng	23.745.600		23.745.600		TCTA
78	24127021	Nguyễn Thành Đạt	17	15	9,71	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	120% HP thực đóng	23.745.600		23.745.600		TCTA
79	24127041	Hoàng Trung Hiếu	17	15	9,67	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	120% HP thực đóng	23.745.600		23.745.600		TCTA

STT	MSSV	HỌ VÀ TÊN	SỐ TÍN CHỈ ĐĂNG KÝ	SỐ TÍN CHỈ XÉT HB	ĐTB xét HB HK2/25- 26	XL HT HK2/25- 26	XL ĐRL HK2/25- 26	LOẠI HQC BÔNG	MỨC HỌC BỔNG	TIỀN HB (VNĐ)	HB KHÁC (VNĐ)	TIỀN THỰC NHẬN (VNĐ)	GHI CHÚ	CTĐT
80	24127056	Phạm Công Khánh	17	17	9,48	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	120% HP thực đóng	23.745.600		23.745.600		TCTA
81	24127069	Thái Kiệt	17	15	9,52	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	120% HP thực đóng	23.745.600		23.745.600		TCTA
82	24127086	Trần Hoàng Khánh My	21	15	9,72	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	120% HP thực đóng	23.745.600		23.745.600		TCTA
83	24127096	Dương Bảo Nhi	15	15	9,52	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	120% HP thực đóng	22.132.800		22.132.800		TCTA
84	24127119	Trần Phước Tài	21	15	9,68	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	120% HP thực đóng	23.745.600		23.745.600		TCTA
85	24127128	Nguyễn Cao Thông	17	15	9,55	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	120% HP thực đóng	23.745.600		23.745.600		TCTA
86	24127144	Nguyễn Trịnh Tuấn Văn	17	15	9,49	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	120% HP thực đóng	23.745.600		23.745.600		TCTA
87	24127179	Huỳnh Gia Khang	17	15	9,7	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	120% HP thực đóng	23.745.600		23.745.600		TCTA
88	24127194	Hoàng Trung Kiên	17	15	9,75	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	120% HP thực đóng	23.745.600		23.745.600		TCTA
89	24127238	Ngô Huỳnh Thắm	17	15	9,75	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	120% HP thực đóng	23.745.600		23.745.600		TCTA
90	24127248	Nguyễn Trần Phương Thúy	21	15	9,71	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	120% HP thực đóng	23.745.600		23.745.600		TCTA
91	24127257	Nguyễn Thành Trung	17	15	9,69	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	120% HP thực đóng	23.745.600		23.745.600		TCTA
92	24127295	Phạm Hoàng Khôi Nguyên	17	15	9,61	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	120% HP thực đóng	23.745.600		23.745.600		TCTA
93	24127308	Nguyễn Hoàng Tiến	17	15	9,5	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	120% HP thực đóng	23.745.600		23.745.600		TCTA
94	24127330	Lương Gia Bảo	17	15	9,65	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	120% HP thực đóng	23.745.600	19.788.000	3.957.600	SV đã nhận HB Đầu vào (100% học phí thực đóng)	TCTA
95	24127442	Cao Hoàng Long	17	15	9,62	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	120% HP thực đóng	23.745.600		23.745.600		TCTA
96	24127500	Nguyễn Đại Phúc	17	15	9,84	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	120% HP thực đóng	23.745.600		23.745.600		TCTA
97	24127508	Lê Nho Duy Phước	17	15	9,59	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	120% HP thực đóng	23.745.600		23.745.600		TCTA
98	24127549	Lê Phạm Minh Thu	17	15	9,61	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	120% HP thực đóng	23.745.600		23.745.600		TCTA

STT	MSSV	HỌ VÀ TÊN	SỐ TÍN CHỈ ĐĂNG KÝ	SỐ TÍN CHỈ XÉT HB	ĐTB xét HB HK2/25- 26	XL HT HK2/25- 26	XL ĐRL HK2/25- 26	LOẠI HQC BÔNG	MỨC HỌC BỔNG	TIỀN HB (VNĐ)	HB KHÁC (VNĐ)	TIỀN THỰC NHẬN (VNĐ)	GHI CHÚ	CTĐT
100	25125004	Trần Ngọc Tuấn Anh	15	15	9,4	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	120% HP thực đóng	25.031.880	15.644.925	9.386.955	SV đã nhận HB Đầu vào (75% học phí thực đóng)	TT
101	25125005	Từ Hoàng Anh	15	15	9,67	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	120% HP thực đóng	25.031.880	15.644.925	9.386.955	SV đã nhận HB Đầu vào (75% học phí thực đóng)	TT
102	25125009	Trương Quang Bảo Dương	15	15	9,51	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	120% HP thực đóng	25.031.880	15.644.925	9.386.955	SV đã nhận HB Đầu vào (75% học phí thực đóng)	TT
103	25125017	Nguyễn Đăng Khang	15	15	9,78	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	120% HP thực đóng	25.031.880	20.859.900	4.171.980	SV đã nhận HB Đầu vào (100% học phí thực đóng)	TT
104	25125025	Trần Hoàng Long	15	15	9,49	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	120% HP thực đóng	25.031.880	15.644.925	9.386.955	SV đã nhận HB Đầu vào (75% học phí thực đóng)	TT
105	25125045	Trần Như Khải	15	15	9,62	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	120% HP thực đóng	25.031.880	20.859.900	4.171.980	SV đã nhận HB Đầu vào (100% học phí thực đóng)	TT
106	25125057	Trần Minh Khoa	15	15	9,57	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	120% HP thực đóng	25.031.880		25.031.880		TT
107	25125083	Nguyễn Đình Minh Huy	15	15	9,65	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	120% HP thực đóng	25.031.880	20.859.900	4.171.980	SV đã nhận HB Đầu vào (100% học phí thực đóng)	TT
108	25125086	Nguyễn Phúc Khánh	15	15	9,64	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	120% HP thực đóng	25.031.880		25.031.880		TT

STT	MSSV	HỌ VÀ TÊN	SỐ TÍN CHỈ ĐĂNG KÝ	SỐ TÍN CHỈ XÉT HB	ĐTB xét HB HK2/25- 26	XL HT HK2/25- 26	XL ĐRL HK2/25- 26	LOẠI HỌC BỔNG	MỨC HỌC BỔNG	TIỀN HB (VNĐ)	HB KHÁC (VNĐ)	TIỀN THỰC NHẬN (VNĐ)	GHI CHÚ	CTĐT
109	25127002	Đặng Thành Nghĩa	15	15	9,74	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	120% HP thực đóng	21.277.800	8.865.750	12.412.050	SV đã nhận HB Đầu vào (50% học phí thực đóng)	TCTA
110	25127003	Trang Tín Nhiệm	15	15	9,55	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	120% HP thực đóng	21.277.800	8.865.750	12.412.050	SV đã nhận HB Đầu vào (50% học phí thực đóng)	TCTA
111	25127018	Nguyễn Phúc Gia Bảo	15	15	9,07	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	120% HP thực đóng	21.277.800		21.277.800		TCTA
112	25127021	Trần Văn Cao	15	15	9,21	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	120% HP thực đóng	21.277.800	8.865.750	12.412.050	SV đã nhận HB Đầu vào (50% học phí thực đóng)	TCTA
113	25127025	Trần Kiên Cường	15	15	9,55	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	120% HP thực đóng	21.277.800	17.731.500	3.546.300	SV đã nhận HB Đầu vào (100% học phí thực đóng)	TCTA
114	25127056	Bùi Quang Huy	15	15	9,17	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	120% HP thực đóng	21.277.800		21.277.800		TCTA
115	25127098	Nguyễn Đăng Hoàng Ngân	15	15	9,11	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	120% HP thực đóng	21.277.800		21.277.800		TCTA
116	25127134	Nguyễn Thành Tài	15	15	9,63	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	120% HP thực đóng	21.277.800		21.277.800		TCTA
117	25127163	Huỳnh Minh Trung	15	15	9,32	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	120% HP thực đóng	21.277.800		21.277.800		TCTA
118	25127181	Nguyễn Lê Gia Bảo	15	15	9,37	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	120% HP thực đóng	21.277.800		21.277.800		TCTA
119	25127195	Đoàn Khánh Hưng	15	15	9,27	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	120% HP thực đóng	21.277.800		21.277.800		TCTA
120	25127199	Phan Minh Huy	15	15	9,73	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	120% HP thực đóng	21.277.800		21.277.800		TCTA
121	25127203	Bùi Đăng Khôi	15	15	9,21	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	120% HP thực đóng	21.277.800		21.277.800		TCTA
122	25127214	Lâm Như Ngọc	15	15	9,43	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	120% HP thực đóng	21.277.800		21.277.800		TCTA
123	25127216	Trần Nguyễn Hồng Ngọc	15	15	9,79	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	120% HP thực đóng	21.277.800		21.277.800		TCTA

STT	MSSV	HỌ VÀ TÊN	SỐ TÍN CHỈ ĐĂNG KÝ	SỐ TÍN CHỈ XÉT HB	ĐTB xét HB HK2/25- 26	XL HT HK2/25- 26	XL ĐRL HK2/25- 26	LOẠI HQC BÔNG	MỨC HỌC BỔNG	TIỀN HB (VNĐ)	HB KHÁC (VNĐ)	TIỀN THỰC NHẬN (VNĐ)	GHI CHÚ	CTĐT
124	25127230	Đặng Nguyễn Yến Phương	15	15	9,13	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	120% HP thực đóng	21.277.800		21.277.800		TCTA
125	25127231	Nguyễn Trần Hoàng Quân	15	15	9,13	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	120% HP thực đóng	21.277.800		21.277.800		TCTA
126	25127236	Nguyễn Lý Thành Tài	15	15	9,85	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	120% HP thực đóng	21.277.800		21.277.800		TCTA
127	25127274	Võ Lê Nam Khánh Ann	15	15	9,53	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	120% HP thực đóng	21.277.800		21.277.800		TCTA
128	25127363	Đỗ Minh Khang	15	15	9,1	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	120% HP thực đóng	21.277.800		21.277.800		TCTA
129	25127371	Tô Hoàng Khang	15	15	9,31	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	120% HP thực đóng	21.277.800		21.277.800		TCTA
130	25127381	Nguyễn Sanh Khoa	15	15	9,7	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	120% HP thực đóng	21.277.800		21.277.800		TCTA
131	25127419	Lê Vĩnh Gia Minh	15	15	9,28	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	120% HP thực đóng	21.277.800		21.277.800		TCTA
132	25127434	Nguyễn Ngọc Phúc Nguyên	15	15	9,34	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	120% HP thực đóng	21.277.800		21.277.800		TCTA
133	25127511	Tạ Kim Thoa	15	15	9,27	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	120% HP thực đóng	21.277.800		21.277.800		TCTA
134	25127522	Ngô Phước Toàn	15	15	9,5	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	120% HP thực đóng	21.277.800		21.277.800		TCTA
135	25127546	Vũ Thế Tùng	15	15	9,22	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	120% HP thực đóng	21.277.800		21.277.800		TCTA
136	25127559	Thái Mạc Tường Vi	15	15	9,22	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	120% HP thực đóng	21.277.800	17.731.500	3.546.300	SV đã nhận HB Đầu vào (100% học phí thực đóng)	TCTA